

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG**

Số: **330/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kbang, ngày 19 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở xây dựng
công trình đường liên xã từ làng Bngăl, xã Kông Long Khong
đi thôn 3 (thôn 5 cũ) xã Đăk Hlơ, huyện Kbang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ngày 19/06/2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền, giao nhiệm vụ trong quản lý các dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 30/08/2022 của UBND huyện Kbang V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đường liên xã từ làng Bngăl, xã Kông Long Khong đi thôn 3 (thôn 5 cũ) xã Đăk Hlơ, huyện Kbang;

Xét tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Kbang và Thông báo kết quả thẩm định số 2305/SGTVT-QLCLCTGT ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Sở giao thông Vận tải –V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở xây dựng công trình: Đường liên xã từ làng Bngăl, xã Kông Long Khong đi thôn 3 (thôn 5 cũ) xã Đăk Hlơ, huyện Kbang; Thông báo kết quả thẩm định dự toán xây dựng công trình số 31/TĐ-KT&HT ngày 19/10/2022 của phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Kbang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở xây dựng công trình Đường liên xã từ làng Bngăl, xã Kông Long Khong đi thôn 3 (thôn 5 cũ) xã Đăk Hlơ, huyện Kbang; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt: Chủ tịch UBND huyện Kbang.
2. Tên công trình: Đường liên xã từ làng Bngăl, xã Kông Long Khong đi thôn 3 (thôn 5 cũ) xã Đăk Hlơ, huyện Kbang
3. Tên dự án: Đường liên xã từ làng Bngăl, xã Kông Long Khong đi thôn 3 (thôn 5 cũ) xã Đăk Hlơ, huyện Kbang.

4. Loại, cấp công trình:
 +Loại công trình: Công trình giao thông.
 +Cấp quản lý: cấp IV.
 +Cấp kỹ thuật: cấp IV miền núi.
5. Địa điểm xây dựng: Huyện Kbang, tỉnh Gia Lai
6. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông An Bình.
7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông An Bình.
8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần Đồng Tâm RBD Gia Lai.
9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên (nếu có):

Căn cứ quy mô cấp hạng nêu trên và các quy phạm hiện hành, đoạn tuyến được thiết kế với các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TIÊU CHUẨN
1	Vận tốc thiết kế	Km/h	40
2	Bề rộng nền đường	m	7,5
3	Bề rộng mặt đường	m	5,5
5	Bề rộng lề đường	m	2x1,0
6	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất	m	60
7	Độ dốc dọc lớn nhất (châm chước theo hiện trạng)	%	8
8	Bán kính đường cong đứng lồi nhỏ nhất	m	700
9	Bán kính đường cong đứng lõm nhỏ nhất	m	450
10	Dốc ngang:		
	a. Mặt đường :	%	2
	b. Lề đường :	%	5
	c. Độ dốc siêu cao lớn nhất	%	6
11	Tần suất lũ thiết kế		
	a. Tuyến	%	4
	b. Cống	%	4
12	Tải trọng thiết kế		
	a.Nền, mặt đường	Trục xe	10 Tấn
	b. Công trình cống		H30-XB80

a. Nền đường: Được thiết kế rộng 7,5m-trên đoạn đường thẳng và 7,5m+W trong đoạn đường cong (W: độ mở rộng trong đường cong). Nền đắp độ dốc mái ta luy là 1:1.5; nền đào độ dốc mái ta luy 1:1.

b. Mặt đường:

- Căn cứ vào Quyết định phê duyệt kết cấu mặt đường được thiết kế như sau:
- Bê tông xi măng đá 1x2 mác 300 dày 22cm.
- Lớp giấy dầu
- Lớp CPĐD Dmax 37,5mm dày 15cm lu lèn K=0,98
- Đất đồi chọn lọc dày 30cm, lu lèn K=0,98.

- Đất nền lu lèn $K=0,95$.

c. Lề đường: Được đắp bằng đất cấp 3 lu lèn đạt $K \geq 0,95$, rộng $B_l = 1,0m \times 2$ bên dốc ngang 5%. Riêng các vị trí qua cống lớn có gia cố mái taluy và các đoạn gia cố rãnh (mương) dọc lề đường được gia cố đến mép rãnh (mương) xây và mép mái taluy gia cố. Kết cấu lề gia cố được sử dụng giống kết cấu mặt đường.

d. Thiết kế nút giao, đường giao:

Tại các vị trí giao với đường dân sinh có đặt cống dọc, mở rộng mặt đường đến mép cống bản. Kết cấu mở rộng giống kết cấu mặt đường. Tại các vị trí giao với đường dân sinh không đặt cống dọc, thiết kế vuốt nối bằng đất đến hết bán kính vuốt ngã giao để đảm bảo êm thuận.

e. Hệ thống thoát nước:

* Thoát nước dọc:

- Thoát nước dọc được thiết kế bằng rãnh đất đào hai bên kiểu rãnh hình thang với kích thước $(0,4+1,2) \times 0,4m$.

- Đoạn từ $Km1+394,82m$ - $Km1+484,86m$ bên trái và $Km1+411,98m$ - $Km1+484,86m$ bên phải tuyến tận dụng rãnh xây cũ. Tổng chiều dài rãnh gia cố tận dụng, $L_r = 162,92m$

- Riêng tại các đoạn có độ dốc dọc lớn, rãnh dọc được gia cố bằng đá hộc VXM mác 100 dày 25cm. Tổng chiều dài các đoạn rãnh xây gia cố $L = 1.363,49m$

- Cá biệt đoạn từ $Km4+596,21m$ - $Km4+827,45m$ bên trái tuyến được thiết kế mương xây hờ KT(50x70)cm bằng đá hộc VXM mác 100, chiều dài đoạn mương xây $L = 231,24m$

- Tại các vị trí giao với đường dân sinh, thiết kế cống bản BTCT (70xH)cm dọc theo tuyến (ngang đường giao): 6 cái/51m.

* Thoát nước ngang:

- Tận dụng lại cống cũ đang còn sử dụng tốt, nối thêm chiều dài một số cống bị thiếu.

- Cống được thiết kế dạng BTCT, tải trọng H30 - XB80. Chiều dài cống phù hợp bề rộng nền đường thiết kế.

- Tổng cộng có 12 cái/127,05m cống qua đường các loại.

g. Công trình phòng hộ:

Tại các vị trí cống gia cố mái taluy bằng BTXM đá 2x4 mác 150 dày 15cm, chân khay mái taluy gia cố bằng kích thước $B \times H = 30 \times 100cm$ bằng BTXM đá 2x4 mác 150.

h. An toàn và tổ chức giao thông:

Xây dựng hoàn chỉnh cọc tiêu, biển báo, tường hộ lan, vạch sơn trên tuyến theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT. Khối lượng tổng cộng như sau: Cọc tiêu: 358 cái; Biển báo đặt mới: 40 cái; Sơn kẻ vạch: 417,21m²; Tường hộ lan: 486,0 m.

10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: 10 năm.

11. Tổng giá trị dự toán xây dựng: 36.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	29.572.618.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án đầu tư	673.046.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.224.585.000 đồng
- Chi phí khác	469.022.000 đồng
- Chi phí dự phòng	3.560.729.000 đồng

12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng;

12.1. Tiêu chuẩn khảo sát:

- 96TCN 43-90 - Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000 (Phần ngoài trời).
- Quy phạm xây dựng lưới độ cao nhà nước hạng I, II, III, IV năm 1988 của cục đo đạc và bản đồ nhà nước.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình TCXDVN364:2006.
- TCVN 9398-2012 - Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.
- 22 TCN 263-2000 - Quy trình khảo sát đường ô tô.
- TCCS 31:2020/TCĐBVN - Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát.
- TCVN 4419-1987 - Khảo sát cho xây dựng, nguyên tắc cơ bản.
- TCVN 9845:2013 - Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ.
- TCVN 9437-2012 - Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình.
- TCVN 8867:2011-Áo đường mềm-xác định mô đun đàn hồi bằng cần Benkelman.
- Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường 22 TCN 355-06.
- TCVN 9351:2012 - Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT).
- Các quy trình, quy phạm, văn bản liên quan khác.

12.2. Thiết kế:

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-05.
- Quy trình thiết kế áo đường cứng 22TCN 223 - 1995.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu các điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng QCVN 02:2009/BXD.
- Quy trình thiết kế cầu, cống theo trạng thái giới hạn 22TCN -18 - 79.
- Thoát nước - Mạng lưới công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2008.
- Định hình thiết kế cống tròn 533-01-01; 533-01-02.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9116:2012 – Cống hộp bê tông cốt thép.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9113:2012 – Ống bê tông cốt thép thoát nước.
- TCCS 34:2020/TCĐBVN về gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ yêu cầu thiết kế.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8791:2011 về sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang nhựa dẻo – Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu.
- Quy trình đánh giá tác động môi trường 22TCN 242-98.
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp quy hiện hành khác có liên quan đến xây dựng công trình.

12.3. Các định hình áp dụng:

- Định hình thiết kế cống tròn 533-01-01; 533-01-02.
- Định hình thiết kế cống hộp 86-04X; 86-05X.
- * Các chỉ tiêu kỹ thuật và các văn bản liên quan khác.

13. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. UBND huyện giao trách nhiệm cho BQL dự án ĐT-XD huyện trực tiếp quản lý điều hành dự án, có trách nhiệm quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả vốn đầu tư, chịu trách nhiệm về chất lượng công trình, tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính-Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Giám đốc BQL dự án ĐT-XD huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, VP, TH. *lv*



Nguyễn Văn Dũng